

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HSST

Ngày: 08/5/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Nga ;  
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:***

Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87 /2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

**1. Phạm Văn T**, Sinh năm: 1990; Tại Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: không biết chữ ; Con ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị B; Vợ, con: Chưa; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/01/2020, tạm giam 14/01/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Đoàn Danh A**, Sinh năm 1989; Tại Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố H, phường Quảng T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá ; Con ông: Đoàn Danh H và bà Ngô Thị L; Vợ, con: Chưa; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/01/2020, tạm giam 14/01/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị L - sinh năm: 1957

Địa chỉ: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20giờ30' ngày 07/01/2020, tổ tuần tra Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an phường Đ tuần tra trên tuyến đường cầu vượt Đ, phường Đ, thành phố T, phát hiện hai nam thanh niên đang tham gia giao thông có biểu hiện khả nghi liên quan đến ma túy nên Tiến hành dừng xe kiểm tra hành chính. Tại chỗ nam thanh niên điều khiển xe mô tô khai báo tên Đoàn Danh A, sinh 1989, người ngồi phía sau tên Phạm Văn T, sinh 1990 đều trú tại khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Khi kiểm tra Phạm Văn T tự giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng kích thước ( 2 x 2,5 ) cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, T khai là ma túy đá cùng Đoàn Danh A đi mua về sử dụng. Đoàn Danh A cũng khai nhận dùng xe mô tô của gia đình chở T đi mua ma túy. Tổ công tác Tiến hành lập biên bản và thu giữ niêm phong tang vật chuyển vụ việc cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa điều tra theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng KT túi khoảng ( 2 x2,5 ) cm bên trong chứa chất các hạt tinh thể màu trắng.
- 01 xe mô tô BKS 36N1 – 01246 nhãn hiệu Honda loại xe Airblade, màu đen, xe cũ đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 474/PC09 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong giữ giám định là ma túy có khối lượng 0,309 gam, loại Methamphetamine.

Đối với người bán ma túy cho T: Do T nghe bạn nghiện nói là căn nhà có cửa xếp màu xanh đường D có bán ma túy, khi mua ma túy, người mua chỉ việc đút tiền qua cửa xếp thì người trong nhà sẽ luôn ma túy ra nên T biết và đã đến mua. Khi mua T không được nhìn thấy người bán, chỉ nghe phía bên trong là tiếng của người phụ nữ. Căn cứ lời khai của T, cơ quan CSĐT đã Tiến hành xác minh và xác định đây là nhà của anh Nguyễn Văn Q, sinh 1978. Tiến hành ghi lời khai Nguyễn Văn Q trình bày: Anh không mua bán ma túy và cũng không tàng trữ ma túy, ngôi nhà trên chỉ có một mình anh ở. Do đó cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Tại bản cáo trạng số 83/ CT -VKS-TPTH ngày 03/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố Phạm Văn T và Đoàn Danh A về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 58 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Đề nghị mức hình phạt các bị cáo như sau:

- Phạm Văn T mức án tù 18 ( Mười tám) tháng tù đến 24 tháng tù;

- Đoàn Danh A mức án tù 15 tháng tù đến 18 tháng tù;

Về vật chứng đề nghị áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36N1 – 01246 Anh điều khiển chở T đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của bà Lương Thị M, sinh 1978, trú tại Q, S, Thanh Hóa. Bà M đã bán chiếc xe trên cho bà Ngô Thị L, sinh 1957 trú tại khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa ( là mẹ đẻ của Đoàn Danh A). Việc tối ngày 07/01/2020 A lấy chiếc xe đi và sử dụng chở T đi mua ma túy bà L không biết, vì vậy đề nghị HĐXX trả chiếc xe trên cho bà Ngô Thị L.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Tại phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo T không có ý kiến đề nghị gì, bị cáo Anh đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, một lần nữa các bị cáo thừa nhận: Tối ngày 07/01/2020, T gọi điện thoại rủ Anh đến nhà chơi, Anh đồng ý và lấy xe mô tô BKS 36N1 – 01246 đi đến nhà T. Khi gặp A, T rủ Anh đi mua ma túy về sử dụng, A đã chở T đi. Khi đến khu vực bờ sông đường D, phường Đ, Thành phố T, T nói với A dừng xe lại rồi một mình đi bộ đến căn nhà cấp 4 cửa xếp màu xanh. Tại đây T hỏi mua 300.000đ

ma túy đá và đút 300.000 đồng quan khe của và phía bên trong tiếng của người phụ nữ đã luôn qua khe cửa cho T 1 gói ma túy. T cầm gói ma túy mua được đi ra chỗ A đứng và nói “ Mua được rồi” rồi lên xe để A chở T cùng ma túy về nhà. Khi cả hai đi đến khu vực cầu vượt Đ thì bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra. Tang vật thu giữ trên người Phạm Văn T 01 gói ma túy qua giám định là ma túy có trọng lượng 0,309g Methamphetamin.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

[3]. Về tính chất vụ án: Tệ nạn và tội phạm về ma túy là hiểm họa cho toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến kinh tế, đến sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác, là tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cũng cần áp dụng Điều 58 BLHS để xem xét cân nhắc đánh giá vai trò và quyết định hình phạt đối với từng bị cáo:

Bị cáo T là người chủ động rủ A đi mua ma túy, tiền mua ma túy của T và T cũng là người trực tiếp đi mua ma túy nên giữ vai trò chính, còn A là người dùng xe chở T đi mua ma túy, A có vai trò giúp sức. Vì vậy T phải chịu TNHS cao hơn A là phù hợp.

Tuy các bị cáo chưa tiền án tiền sự nhưng xét tính chất vụ án và hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và chất ma túy bị nhà nước cấm nhưng vì thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội các bị cáo đã sống buông thả, các bị cáo mua ma túy về sử dụng. Hành vi của các bị cáo thể hiện rõ sự xem thường pháp luật. Với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, việc cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về vật chứng: - Đối với chiếc xe mô tô BKS 36N1 – 01246 A điều khiển chở T đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của bà Lương Thị M, sinh 1978, trú tại Q, S, Thanh Hóa. Bà M đã bán chiếc xe trên cho bà Ngô Thị L, sinh 1957 trú tại khu phố H, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa ( là mẹ đẻ của Đoàn

Danh A). Việc tối ngày 07/01/2020 lấy chiếc xe đi và sử dụng chở T đi mua ma túy bà L không biết vì vậy cần áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bà Ngô Thị L chiếc xe mô tô BKS 36N1 – 01246.

- Số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định là 0,268gam Methamphetamine là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS nên tịch thu tiêu hủy.

Hiện toàn bộ vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 47 của BLHS. Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Đoàn Danh A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: 1. Bị cáo Phạm Văn T 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 08/01/2020.

2. Bị cáo Đoàn Danh A 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 08/01/2020.

*Về vật chứng:* Tịch thu tiêu hủy 0,268gam Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì được đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho bà Ngô Thị L 01 xe máy ARIBLADE màu đen BKS 36N1 – 012.46, số khung: E0249203; số máy AY 209185, xe có một gương hậu bên trái, xe đã cũ  
*(Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 95 /THA ngày 09/3/2020 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa).*

*Về án phí:* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Thị Nguyệt**